TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 83/2022/HNGĐ-ST Ngày: 24-9-2022 V/v: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Hoàng Văn Diễm

2/ Bà Ngô Thị Hồng Uyên

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc -Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:178/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71a/2022/QĐXX ST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1986(có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn**:** Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Đều địa chỉ: thôn C, xã P, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn kiện đề ngày 11/5/2021, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Đỗ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C kết hôn với nhau ngày 21/02/2008, trước khi kết hôn vợ chồng có được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại trụ sở Ủy Ban nhân dân xã P, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh C làm dâu và vợ chồng ở riêng ngay. Quá trình chung sống được không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống nên hay cãi vã, đánh chửi nhau. Vợ chồng

chính thức ly thân được 4 tháng và không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

Về con chung: Chị N xác định vợ chồng có hai con chung là: Nguyễn Quang Cảnh, sinh ngày 28/12/2008 và Nguyễn Công Huy, sinh ngày 09/6/2013. Ly hôn chị đồng ý để cho anh C nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C.

Về tài sản chung,tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng tự thỏa thuận, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị N kết hôn với nhau ngày 06/9/2008. Trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị N về nhà anh làm dâu ngay, vợ chồng ở riêng luôn. Quá trình chung sống cũng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, chị N nhiều lần bỏ đi sau lại quay về. Lần bỏ đi gần nhất cách đây tầm 4 tháng do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và chị N bỏ đi hẳn không về nữa. Anh cũng không gọi chị N về. Gia đình cũng hòa giải nhiều lần nhưng chị N không thay đổi nên lần này không hòa giải nữa. Tuy nhiên, anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị N và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dậy con cái. Anh xác định vợ chồng khó có khả năng đoàn tụ nhưng anh muốn con cái có đủ bố mẹ nên anh không đồng ý ly hôn..

Về con chung*:* Anh C xác định vợ chồng có hai con chung Nguyễn Quang Cảnh, sinh ngày 28/12/2008 và Nguyễn Công Huy, sinh ngày 09/6/2013. Nếu vợ chồng phải ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức, nhà ở, quyền sử dụng đất và các vấn đề khác: Chị N không yêu cầu nên anh cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N, anh C đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng nguyên đơn ,bị đơn chấp hành đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273; của

Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cho anh C nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Quang Cảnh, sinh ngày 28/12/2008 và Nguyễn Công Huy, sinh ngày 09/6/2013. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Buộc chị N phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm

Đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự được biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị N xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh C có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã P, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Do chị N và anh C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là có căn cứ.

[2].*Về quan hệ hôn nhân*:

Chị N và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Hiệp Hòa được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị N cho rằng do vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, anh C uống rượu về đánh chửi chị. Chị bỏ về nhà đẻ ở được 4 tháng, hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh C. Anh xác định anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị N và muốn vợ chồng đoàn tụ nuôi dậy con cái. Anh xác định vợ chồng khó có khả năng đoàn tụ nhưng anh muốn con cái có đủ bố mẹ nên anh không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy anh C mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị N bỏ về nhà đẻ đến nay đã là 04 tháng nhưng anh C không gọi về, không có biện pháp tích cực nào để vợ chồng hòa giải, đoàn tụ với nhau. Chị N vẫn kiên quyết xin ly với anh C và xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh C được. Qua xác minh tại địa phương thì thấy anh C và chị N có nhiều lần mâu thuẫn, gia đình cũng đã hòa giải nhưng không có kết quả. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài , mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho

chị N được ly hôn anh C theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[3] *Về con chung:* Chị N và anh C cùng xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Quang Cảnh, sinh ngày 28/12/2008 và Nguyễn Công Huy, sinh ngày 09/6/2013. Anh C có nguyện vọng được nuôi hai con chung, anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con và chị N đồng ý với ý kiến của anh C nuôi cả hai con chung. Nguyện vọng của hai con chung cũng muốn ở với anh C .Hội đồng xét xử xét thấy: Chị N và anh C đã thống nhất được về việc việc giao cho anh C tiếp tục nuôi cả hai con chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận là có căn cứ.

[4. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác:* chị N và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải chịu 300.000đồng án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227; Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Giao cho anh C nuôi hai con chung là Nguyễn Quang Cảnh, sinh ngày 28/12/2008 và Nguyễn Công Huy, sinh ngày 09/6/2013. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không xem xét, giải quyết. Chị N được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008163 ngày 04/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Oanh